TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quyết định giám đốc thẩm
Số: 308/2024/DS-GĐT
Ngày: 30 - 12 - 2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa: Ông Bùi Đức Xuân

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Thiện

Bà Trần Thị Thu Thủy

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yến, Thư ký viên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Công Thành, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án về "*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*", giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1955;

Địa chỉ: Số * LQ, cư xá HP, Phường *, Quận *, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh L1, sinh năm 1975 (Văn bản ủy quyền ngày 23/10/2017);

Địa chỉ: Phòng *, chung cư HA, đường TL, khu phố *, phường PA, Quận * (nay là thành phố DT), Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Lâm An D, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Số * TLO, Phường *, Quận *, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1988 (Văn bản ủy quyền ngày 22/02/2017);

Địa chỉ: **, chung cư MD số * CA, phường SN, quận PT, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Lê Văn Q, sinh năm 1981

Địa chỉ: Số * KV, Phường *, Quận *, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Q: Ông Lê Hoàng P, sinh năm 1979 (Văn bản ủy quyền ngày 06/7/2015).

Địa chỉ: Số * VK, Phường *, Quận *, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng – Kinh doanh nhà – Thương mại XL.

Địa chỉ: Số * HL, Phường *, Quận *, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng – Kinh doanh nhà – Thương mại XL: Bà Nguyễn Thị Thanh L1, sinh năm 1975 (Văn bản ủy quyền ngày 24/10/2017);

Địa chỉ: Phòng *, chung cư HA, đường TL, khu phố *, phường PA, Quận * (nay là thành phố DT), Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng PL.

Địa chỉ: Số * ND, Phường 9, Quận *, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng PL: Ông Lê Văn H, sinh năm 1975 (Văn bản ủy quyền ngày 02/7/2015);

Địa chỉ: Số *, Tổ *, khu phố *, phường HT, Quận *, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Ngân hàng Thương mại cổ phần GS

Địa chỉ: Số * HĐ, Phường *, Quận *, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại cổ phần GS: Ông Nguyễn Quốc S - Chuyên viên Phòng Pháp chế (Văn bản ủy quyền ngày 30/6/2015).

5. Công ty cổ phần TV

Địa chỉ: Số * XD, Phường *, Quận *, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần TV: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1988;

Địa chỉ: **, chung cư MD số * CA, phường SN, quận PT, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 10/12/2016).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L (có bà Nguyễn Thị Thanh L1 đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Ngày 08/01/2008, bà Nguyễn Thị L và ông Lâm An D có ký hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng - Kinh doanh nhà - Thương mại XL (do bà L là đại diện theo pháp luật) và quyền sử dụng đất trong dự án XL. Ông D đặt cọc 10.000.000.000 đồng. Sau đó, hai bên thỏa thuận không thực hiện hợp đồng trên và ký kết hợp đồng khác để đảm bảo cho việc thực hiện hợp đồng.

Ngày 18/01/2008, bà L và ông D ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đối với 08 thửa đất tại xã PA Tây, đã được Uỷ ban nhân dân huyện CB cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L. Tổng diện tích đất chuyển nhượng là 30.209m^2, tổng giá trị hợp đồng là 132.919.600.000 đồng. Việc thanh toán chia làm 03 đợt, hạn cuối thanh toán là ngày 31/12/2008. Bà L và ông D thỏa thuận chuyển số tiền đã đặt cọc 10.000.000.000 đồng của hợp đồng ngày 08/01/2008 sang hợp đồng ký ngày 18/01/2008.

Thực hiện hợp đồng ngày 18/01/2008, bà L đã giao 08 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà L đứng tên và 06 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Lê Văn Q (con bà L) đứng tên cho ông D, đồng thời ông D đã giao cho bà L số tiền 100.000.000.000 đồng.

Do quá thời hạn thanh toán theo thỏa thuận là ngày 31/12/2008, ông D không thanh toán số tiền 32.919.600.000 đồng còn lại, nên bà L khởi kiện yêu cầu ông D tiếp tục thực hiện Hợp đồng chuyển nhượng nhận quyền sử dụng đất ngày 18/01/2008. Bà L sẽ giao phần đất của bà L tương ứng với số tiền 100.000.000.000 đồng mà bà L đã nhận của ông D. Đối với giá chuyển nhượng thì hai bên có thể thương lượng theo giá thị trường.

Bị đơn ông Lâm An D (có bà Nguyễn Thị T là đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Ông D và bà L ký hợp đồng đặt cọc ngày 08/01/2008 và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 18/01/2008 là để thực hiện thỏa thuận nhận chuyển nhượng dự án công viên giải trí quy mô 13,6ha và Công ty XL. Số tiền 100.000.000.000 đồng mà ông D chuyển cho bà L để nguồn vốn ứng để bà L thực hiện việc bồi thường, đền bù, giải phóng mặt bằng trong dự án. Tuy nhiên căn cứ quy định pháp luật thì thỏa thuận giữa bà L với ông D là không đúng quy định pháp luật. Hiện tại, 08 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà L đứng tên và 06 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Q đứng tên thì Ngân hàng Thương mại cổ phần GS đang giữ. Ông D không giữ bản chính các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này.

Do đó, ông D yêu cầu hủy Hợp đồng đặt cọc ngày 08/01/2008 và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 18/01/2008; Yêu cầu bà L trả cho ông D số tiền đã nhận 100.000.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất của tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng Vietcombank là 6,5%/năm đối với số tiền 100.000.000.000 đồng từ ngày 31/01/2008 cho đến ngày xét xử là 65.340.000.000 đồng. Tổng cộng là 165.643.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Q (có ông Lê Hoàng P là đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Ông Q xác định không ký bất cứ văn bản mua bán hay ủy quyền cho ông D đối với các phần đất tại các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên và các phần đất nêu trên cũng không liên quan gì đến đất bà L chuyển nhượng cho ông D. Do đó, ông Q yêu cầu ông D và Ngân hàng thương mại cổ phần GS (cơ quan đang giữa 06 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Q) hoàn trả lại 06 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho ông Q.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2018/DS-ST ngày 26 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện CB, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L yêu cầu ông Lâm An D tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ký ngày 18/01/2008.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Lâm An D:

- Hủy bỏ hợp đồng đặt cọc ngày 08/01/2008 và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 18/01/2008 giữa bà Nguyễn Thị L với ông Lâm An D đối với diện tích 30.209m^2 theo 08 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 223/QSDĐ cấp ngày 02/3/2001, 1189/QSDĐ cấp ngày 03/7/2003, 1083/QSDĐ cấp ngày 26/12/2002, 828/QSDĐ cấp ngày 01/10/2002, 1104/QSDĐ cấp ngày 02/4/2003, 918/QSDĐ cấp ngày 09/12/2002, 957/QSDĐ cấp ngày 17/10/2002, 1182/QSDĐ cấp ngày 14/7/2003 do bà L đứng tên.

- Bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm trả cho ông Lâm An D số tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 100.000.000.000 đồng (một trăm tỷ đồng) theo phương thức trả 01 lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

- Ngân hàng Thương mại cổ phần GS, ông Lâm An D có trách nhiệm trả lại cho bà Nguyễn Thị L 08 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 223/QSDĐ cấp ngày 02/3/2001, 1189/QSDĐ cấp ngày 03/7/2003, 1083/QSDĐ cấp ngày 26/12/2002, 828/QSDĐ cấp ngày 01/10/2002, 1104/QSDĐ cấp ngày 02/4/2003, 918/QSDĐ cấp ngày 09/12/2002, 957/QSDĐ cấp ngày 17/10/2002, 1182/QSDĐ cấp ngày 14/7/2003.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Lâm An D yêu cầu bà Nguyễn Thị L phải trả lãi của số tiền 100.000.000.000 đồng đã nhận từ ngày 31/01/2008 đến thời điểm xét xử là 65.340.000.000 đồng.

4. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Lê Văn Q về việc đòi lại 06 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngân hàng Thương mại cổ phần GS, ông Lâm An D có trách nhiệm trả lại cho ông Lê Văn Q 06 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 895/QSDĐ cấp ngày 27/11/2002, 1258/QSDĐ cấp ngày 28/10/2003, 1156/QSDĐ cấp ngày 27/6/2003, 1134/QSDĐ cấp ngày 20/5/2003, 1115/QSDĐ cấp ngày 21/4/2003 và 908/QSDĐ cấp ngày 06/11/2002.

Ngoài ra, quyết định sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 12/3/2018, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

- Ngày 12/3/2018, bị đơn ông Lâm An D kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông D đối với yêu cầu bà L phải trả lãi của số tiền 100.000.000.000 đồng đã nhận từ ngày 31/01/2008 đến thời điểm xét xử sơ thẩm là 65.340.000.000 đồng.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 978/2019/DS-PT ngày 04/11/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Sửa bản án sơ thẩm

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1. Đối với việc thực hiện Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 08/01/2008 và ngày 18/01/2008 giữa bà Nguyễn Thị L và ông Lâm An D, bà L đã nhận 100.000.000.000 đồng (một trăm tỷ đồng) tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông D, bà L và ông Lê Văn Q đồng ý:

- Công nhận ông Lâm An D có quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 30.209m^2 theo 08 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 223/QSDĐ cấp ngày 02/3/2001, 1189/QSDĐ cấp ngày 03/7/2003, 1083/QSDĐ cấp ngày 26/12/2002, 828/QSDĐ cấp ngày 01/10/2002, 1104/QSDĐ cấp ngày 02/4/2003, 918/QSDĐ cấp ngày 09/12/2002, 957/QSDĐ cấp ngày 17/10/2002, 1182/QSDĐ cấp ngày 14/7/2003 đều đứng tên bà Nguyễn Thị L.

- Công nhận ông Lâm An D có quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 3.905m^2 theo 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1115/QSDĐ cấp ngày 21/4/2004, 1156/QSDĐ cấp ngày 27/6/2003 đều đứng tên ông Lê Văn Q.

2. Ông Lâm An D được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cập nhật sang tên ông D theo 10 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên hoặc xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới theo quy định của pháp luật.

3. Ông Lâm An D chịu toàn bộ các chi phí phát sinh liên quan đến việc thực hiện thủ tục cập nhật sang tên ông D, cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bao gồm cả thuế thu nhập cá nhân của bà Nguyễn Thị L và ông Lê Văn Q), phí, lệ phí và các chi phí phát sinh khác.

4. Bà Nguyễn Thị L, ông Lê Văn Q và những người đang ở trên đất phải giao đất cho ông Lâm An D ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

5. Ông Lâm An D phải trả cho ông Lê Văn Q bản chính 04 Giấy chúng nhận quyền sử dụng đất số 895/QSDĐ cấp ngày 27/11/2002, 1258/QSDĐ cấp ngày 28/10/2003, 1134/QSDĐ cấp ngày 20/5/2003 và 908/QSDĐ cấp ngày 06/11/2002.

Ngoài ra, Bản án phúc thẩm còn quyết định về án phí; chi phí đo vẽ, định giá; nghĩa vụ do chậm thi hành án.

Sau khi bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, ngày 30/9/2022, ông Trương Văn T1 có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 91/2024/KN-DS ngày 25/9/2024, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 978/2019/DS-PT ngày 04/11/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm, hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 978/2019/DS-PT ngày 04/11/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2018/DS-ST ngày 26/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện CB, Thành phố Hồ Chí Minh. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện CB, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Từ năm 2009, bà Nguyễn Thị L có đơn khởi kiện yêu cầu ông Lâm An D tiếp tục thực hiện Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 18/01/2008 giữa hai bên về việc chuyển nhượng tổng diện tích đất 30.209m^2 theo 08 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà L (gồm số 223/QSDĐ ngày 02/3/2001, số 828/QSDĐ ngày 01/10/2002, số 957/QSDĐ ngày

17/10/2002, số 918/QSDĐ ngày 09/12/2002, số 1083/QSDĐ ngày 26/12/2002, số 1104/QSDĐ ngày 02/4/2003, số 1189/QSDĐ ngày 03/7/2003, số 1182/QSDĐ ngày 14/7/2003) với giá 132.919.600.000 đồng. Thực tế, bà L đã nhận của ông D tổng cộng 100.000.000.000 đồng và bà L có giao 06 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên con bà L là ông Lê Văn Q (gồm số 908 ngày 06/11/2002, số 895 ngày 27/11/2002, số 1115 ngày 21/4/2003, số 1134 ngày 20/5/2003, số 1156 ngày 27/6/2003, số 1258 ngày 28/10/2003). Trong số 14 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên có 06 thửa đất số 352, 353, 354, 355, 372, 385 (đứng tên bà L) và 03 thửa đất số 366, 367, 368 (đứng tên ông Q) có nguồn gốc do bà L, ông Q nhận chuyển nhượng của 05 hộ gia đình gồm hộ ông Lê Văn K, hộ ông Nguyễn Văn B, hộ ông Phạm Văn O, hộ ông Phạm Văn C, hộ cụ Võ Văn M.

[2] Năm 2018, ông Trương Văn T1 có đơn khởi kiện yêu cầu 05 hộ nêu trên tiếp tục thực hiện 05 Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất năm 2001 giữa 05 hộ gia đình với ông T1, huỷ các Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa 05 hộ gia đình với mẹ con bà L, ông Q đối với 09 thửa đất nêu trên. Toà án đã thụ lý thành 05 vụ án dân sự, theo đó xác định bà L và ông Q là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Hiện nay, Toà án đã ra quyết định đình chỉ giải quyết đối với 05 vụ án dân sự nêu trên do ông T1 rút đơn khởi kiện.

[3] Ông T1 có đơn đề nghị xem xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 978/2019/DS-PT ngày 04/11/2019 (giải quyết "tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất" giữa bà L với ông D), đồng thời xuất trình 05 Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa 05 hộ gia đình với ông T1, các Giấy tường trình của 05 hộ gia đình có nội dung các hộ gia đình đã ký các hợp đồng về việc chuyển nhượng 09 thửa đất nêu trên cho ông T1 và nhận đủ tiền từ ông T1; do bà L thường đi chung, có quan hệ thân mật với ông T1 nên đã nhầm tưởng bà L là vợ ông T1, từ đó đã ký lại Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho mẹ con bà L theo đề nghị của bà L, mà không hỏi ý kiến của ông T1.

Như vậy, ông T1 và 05 hộ gia đình nêu trên được xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án "tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất" giữa bà L với ông D. Tuy nhiên, khi giải quyết vụ án Toà án không đưa họ vào tham gia tố tụng là vi phạm khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hơn nữa, Toà án cấp phúc thẩm còn công nhận sự thoả thuận giữa bà L, ông Q với ông D về việc ông D được quyền sử dụng đối với 30.209m^2 đất theo 08 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà L và 3.905m^2 đất theo 02 Giấy chứng nhận quyền dụng đất đứng tên ông Q, trong đó có 09 thửa đất nêu trên là chưa đủ căn cứ vững chắc và không đảm bảo được quyền lợi của ông T1.

[4] Từ những phân tích trên, xét thấy việc giải quyết của Bản án sơ thẩm và Bản án phúc thẩm là không đảm bảo quy định pháp luật, ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 337, khoản 3 Điều 343, Điều 345 Bộ luật tố tụng dân sự,

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 91/2024/KN-DS ngày 25/9/2024 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

2. Hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 978/2019/DS-PT ngày 04/11/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2018/DS-ST ngày 26/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện CB, Thành phố Hồ Chí Minh; Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện CB, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định./.

Nơi nhận:
- Chánh án TANDCC tại TP HCM (để báo cáo);
- Vụ pháp chế và quản lý khoa học TANDTC;
- VKSNDCC tại TP HCM (để biết);
- TAND TP.HCM;
- TAND huyện CB, TP.HCM;
- CCTHADS huyện CB, TP.HCM;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu Phòng HCTP-VP, Phòng GĐKT II, HS (TTKY).

TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Đức Xuân